

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo
và hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 4453/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố

1. Đối tượng áp dụng

a) Người thuộc hộ nghèo theo chuẩn Trung ương.

b) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn thành phố.

c) Người thuộc hộ thoát nghèo chuẩn thành phố.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ về bảo hiểm y tế

- Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn thành phố trong vòng 2 năm kể từ thời điểm thoát nghèo (kể cả người thuộc hộ thoát nghèo nhưng rơi vào hộ cận nghèo), với mã đối tượng gia đình (GD4)¹;

- Hỗ trợ 90% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

b) Hỗ trợ về giáo dục

- Hỗ trợ 100% học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông có cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật trực tiếp nuôi dưỡng thuộc hộ nghèo theo chuẩn thành phố và tiếp tục hỗ trợ thêm 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo (kể cả người thuộc hộ thoát nghèo nhưng rơi vào hộ cận nghèo);

- Hỗ trợ 90% học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông có cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật trực tiếp nuôi dưỡng thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

Mức hỗ trợ: Theo mức học phí giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

c) Về bảo trợ xã hội hằng tháng

- Hỗ trợ mức 300.000 đồng/người/tháng đối với người đang được hưởng các chính sách bảo trợ xã hội hiện hành thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn Trung ương trong vòng 2 năm kể từ thời điểm thoát nghèo và hỗ trợ mức 500.000 đồng/người/tháng đối với người già yếu, người khuyết tật, trẻ mồ côi ốm đau thường xuyên chưa đủ điều kiện hưởng chính sách bảo trợ xã hội hằng tháng thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn Trung ương trong vòng 2 năm kể từ thời điểm thoát nghèo;

- Hỗ trợ với mức 500.000 đồng/người/tháng đối với người mắc bệnh ung thư, suy thận mãn chạy thận nhân tạo có giấy chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền thuộc hộ thoát nghèo theo chuẩn thành phố trong vòng 2 năm kể từ thời điểm thoát nghèo.

Điều 2: Quy định chính sách hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống tại các xã Hòa Ninh, Hòa Phú và Hòa Bắc trên địa bàn huyện Hòa Vang

¹ Mức hưởng 80% chi phí khám, chữa bệnh theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 14 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

1. Đối tượng áp dụng

Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống tại các xã Hòa Ninh, Hòa Phú và Hòa Bắc trên địa bàn huyện Hòa Vang.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số, với mã đối tượng gia đình (GD4).

b) Hỗ trợ 100% học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Mức hỗ trợ: Theo mức học phí giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

Điều 3. Quy trình, thủ tục thực hiện

1. Thủ tục hỗ trợ bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT) cho đối tượng theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

a) Hồ sơ đề nghị

- Danh sách đối tượng tham gia BHYT;
- Quyết định phê duyệt danh sách mua thẻ BHYT;
- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường.

b) Trình tự và thời gian thực hiện

- Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã, phường lập danh sách thành viên tham gia BHYT cho người thuộc hộ thoát nghèo trong vòng 02 năm kể từ thời điểm thoát nghèo và người thuộc hộ cận nghèo kèm quyết định phê duyệt danh sách mua thẻ BHYT gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Trong hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan Bảo hiểm xã hội quận, huyện chuyển thẻ BHYT cho Ủy ban nhân dân các xã, phường để cấp cho đối tượng trước ngày 01 tháng 01 hàng năm;

- Định kỳ hàng quý và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua BHYT.

2. Thủ tục hỗ trợ về bảo hiểm y tế cho đối tượng theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Hồ sơ đề nghị, trình tự và thời gian thực hiện: Theo Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tại thời điểm lập danh sách đề nghị cấp thẻ BHYT cho người thuộc hộ thoát nghèo, hộ cận nghèo; Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, Hòa Phú, Hòa Bắc lập

danh sách người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số được ngân sách hỗ trợ đóng BHYT kèm quyết định phê duyệt danh sách mua thẻ BHYT gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòa Vang.

3. Thủ tục hỗ trợ về giáo dục cho đối tượng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

a) Hồ sơ đề nghị

- Đơn đề nghị hỗ trợ học phí (đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông học tại cơ sở giáo dục công lập) hoặc đơn đề nghị cấp bù tiền hỗ trợ học phí có xác nhận của cơ sở giáo dục (đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập);

- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp hoặc xác nhận hộ thoát nghèo, người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định.

b) Trình tự và thời gian thực hiện

- Đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông học tại cơ sở giáo dục công lập

+ Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) gửi hồ sơ đến cơ sở giáo dục;

+ Trường mầm non và trung học cơ sở có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách trẻ em, học sinh được hỗ trợ học phí gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

+ Trường trung học phổ thông có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

- Đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập

+ Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) gửi hồ sơ đến Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với trẻ em học mầm non và học sinh trung học cơ sở hoặc gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh trung học phổ thông;

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mầm non và học sinh trung học cơ sở;

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh trung học phổ thông;

+ Thời gian chi trả tiền cấp bù học phí: Thực hiện 2 lần trong năm; lần 1 (chi trả 4 tháng) vào tháng 10 hoặc tháng 11 và lần 2 (chi trả 5 tháng) vào tháng 3 hoặc tháng 4.

d) Đối với thủ tục hỗ trợ về bảo trợ xã hội hằng tháng cho đối tượng theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

- Hồ sơ đề nghị

+ Danh sách đối tượng thuộc diện hỗ trợ theo quy định;

+ Bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh đối tượng hưởng liên quan;

+ Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường.

- Trình tự thực hiện

+ Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định của Điểm c Khoản 2 Điều 1, có văn bản đề nghị gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng.

- Thời điểm chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 của hằng tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Đối với các chính sách quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 và Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

2. Đối với chính sách quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

3. Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 195/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố về thông qua nâng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, áp dụng trong 02 năm (2019-2020) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

4. Điểm b Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 195/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố về thông qua nâng chuẩn hộ nghèo, hộ cận

nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, áp dụng trong 02 năm (2019-2020) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ pháp chế: Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đại biểu HĐND TP; Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBNDTQVN;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, hội đoàn thể;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBNDTQ các quận huyện; UBND, HĐND xã phường;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT TTVN VTV8 ; Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nho Trung